

Bản án số: 76/2023/DS-ST
Ngày 05 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp TĐ B, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H; cư trú tại: Ấp TĐ B, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Huỳnh Thị N trình bày: Ngày 13/3/2021, bà H có vay của bà số tiền 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 800.000đ/01 tháng, khi vay không có làm biên nhận. Sau khi vay tiền, bà H có đóng cho bà được 02 tháng tiền lãi, tiền vốn chưa trả. Đến ngày 30/12/2022, bà H làm cam kết trả cho bà mỗi tháng 2.000.000đ, nhưng bà H vẫn không trả tiền. Nay bà yêu cầu bà H trả số tiền vốn 10.000.000đ, lãi tính 20%/năm từ ngày 13/6/2021 đến 28/02/2023 là 20 tháng với số tiền là 3.320.000đ và tiền lãi từ ngày 28/02/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà không có ý kiến gì đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả tiền là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2. 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà N, bà H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện bà H có vay của bà N số tiền 10.000.000đ, khi vay không có làm biên nhận nợ, nhưng có làm cam kết trả tiền ngày 30/12/2022. Sau khi vay, bà H không trả tiền vốn, nhưng có trả lãi được 02 tháng. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định bà N có cho bà H vay số tiền vốn 10.000.000đ là thực tế có xảy ra. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi hai bên thực hiện giao dịch vay tiền thì có thỏa thuận lãi suất, nhưng lãi suất hai bên thỏa thuận là cao hơn mức lãi suất Nhà nước quy định. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết bà H không thực hiện thủ tục phản tố và bà N chỉ yêu cầu tính lãi từ 13/6/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không điều chỉnh số tiền lãi 02 tháng bà H đã trả cho bà N.

Số tiền lãi bà H phải trả cho bà N là: Từ ngày 13/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (05/5/2023) là 22 tháng 22 ngày với số tiền $(10.000.000đ \times 20\%/năm) \times 22$ tháng 20 ngày = 3.788.000đ.

[5] Đối với bà H: Mặc dù chị đã biết được nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng bà không có ý kiến, không đưa ra chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để xét xử là phù hợp với khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét về án phí dân sự: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 4 Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 468; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N.

1. Buộc Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị N trả số tiền là 13.788.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng).

2. Kể từ ngày bà Huỳnh Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Nguyễn Thị Thu H chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 689.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

